

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MÔN HỌC KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN TRƯỜNG NGHỀ THEO ĐỊNH HƯỚNG CDIO

Nguyễn Trọng Nhân, Lê Thị Thơ, Hồ Minh Tâm
 Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ
 Trương Thanh Nghi
 Trường Đại học FPT

Tóm tắt: Nhiều biến động hiện nay trên thế giới đã tác động mạnh đến phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước hiện nay. Xu hướng “làm công ăn lương” không còn là sự lựa chọn hàng đầu của giới trẻ, đặc biệt là các sinh viên của các trường cao đẳng, đại học, nhất là sinh viên trường nghề đã có cái nhìn thay đổi, xu thế tự tạo việc làm là một phương án chọn lựa của nhiều sinh viên. Do đó, nhà trường nên có tạo điều kiện và cung cấp kiến thức, kỹ năng cho sinh viên về khởi nghiệp và sáng tạo, để sinh viên có thể tìm con đường lập nghiệp cho chính mình khi tham gia vào thị trường lao động. Vì vậy, việc xây dựng chương trình đào tạo môn học “khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo” theo định hướng CDIO cho sinh viên là một tất yếu cần thiết nên được thực hiện tại các trường nghề.

Từ khóa: Tự tạo việc làm; Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; Sinh viên trường nghề; CDIO.

DEVELOPING THE TRAINING PROGRAM FOR ENTREPRENEURSHIP AND INNOVATION FOR VOCATIONAL COLLEGE STUDENTS FOLLOWING THE CDIO APPROACH

Abstract: Many current global fluctuations have significantly impacted the country's economic development, society, and international integration. The trend of “working for a salary” is no longer the top choice for young people, especially students from colleges, universities, and vocational schools, who have a changed perspective; the self-employment trend is an alternative option for many students. Therefore, the colleges should create conditions and provide students with knowledge and skills related to entrepreneurship and innovation, so that students can find their own career paths when entering the labor market. Finally, developing the training program for the course “Entrepreneurship and Innovation” based on the CDIO approach for students is an essential necessity that should be implemented at vocational colleges.

Keywords: Self-employment; Entrepreneurship and Innovation; Vocational college students; CDIO.

Nhận bài: 17/03/2026

Phản biện: 17/04/2026

Duyệt đăng: 21/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ đã mang đến nhiều luồng khí mới trong việc phát triển kinh tế, xã hội. Sự bùng nổ mạng internet đã tạo nên một “thế giới phẳng”, không giới hạn về không gian, thời gian, điều này cũng tác động nhiều đến thị trường lao động, những định hướng phát triển nghề nghiệp mới ra đời. Với xu thế như vậy, đòi hỏi người lao động phải có tầm nhìn và thay đổi tư duy từ “bị động” sang “chủ động” tạo ra sự nghiệp cho riêng mình. Chính điều này đặt ra cho các trường nghề cần trang bị thêm cho sinh viên (SV) đầy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm về việc hình thành và phát triển “khởi nghiệp” của bản thân SV.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Xây dựng chương trình theo định hướng tiếp cận CDIO

2.1.1. Khái quát về phương pháp tiếp cận CDIO

Tiếp cận CDIO (Conceive - Hình thành ý tưởng; Design - Thiết kế ý tưởng; Implement -

Thực hiện; Operate - Vận hành) là phương pháp luận để xây dựng, triển khai đào tạo và phát triển đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng toàn diện cho nền giáo dục cao đẳng (CĐ), đại học (ĐH). Đây là phương pháp tiếp cận mới trong xây dựng chương trình và tổ chức giảng dạy các môn học thuộc chương trình đào tạo ngành kỹ thuật và công nghệ, để nâng cao khả năng tiếp thu các kiến thức cơ bản của sinh viên, đồng thời đẩy mạnh việc học các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống. Đào tạo theo mô hình CDIO, sinh viên cần đạt 04 khối kiến thức, kỹ năng chính sau: (1) kiến thức chuyên ngành và lập luận kỹ thuật; (2) kỹ năng, thái độ cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng, thái độ XH; (4) kiến thức, kỹ năng CDIO trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp. Vì vậy, để áp dụng và triển khai phương pháp tiếp cận CDIO đòi hỏi phải xem xét tới sự nhất quán của các chuẩn đầu ra dự định, các hoạt động giảng dạy và học tập và đánh giá. Đặc trưng của CDIO có ba mục tiêu tổng quát:

- Lĩnh hội kiến thức sâu hơn của nền tảng kỹ thuật.
- Dẫn đầu trong kiến tạo và vận hành sản phẩm, quy trình và hệ thống mới.
- Hiểu tầm quan trọng và ảnh hưởng chiến lược của nghiên cứu và phát triển công nghệ đối với xã hội.

CDIO là phương pháp tổng thể đáp ứng nhu cầu xã hội từ mặt kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đến thích ứng với các bối cảnh xã hội, nó đảm bảo hướng chuẩn đầu ra, giúp người kỹ sư hiện đại hình thành ý tưởng, thiết kế sản phẩm, quy trình, hệ thống vận hành, kết hợp với công nghệ, tạo ra những năng lực mới đáp ứng được nhu cầu thay đổi của xã hội, của sản xuất. CDIO có 12 tiêu chuẩn: 1. Bối cảnh; 2. Chuẩn đầu ra; 3. Chương trình đào tạo tích hợp; 4. Giới thiệu về kỹ thuật; 5. Các kinh nghiệm thiết kế - triển khai; 6. Không gian làm việc kỹ thuật; 7. Trải nghiệm học tích hợp; 8. Học chủ động; 9. Nâng cao năng lực giáo viên; 10. Nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên; 11. Đánh giá việc học tập; 12. Kiểm định chương trình.

Với 12 tiêu chuẩn thì đề cương CDIO chia chuẩn đầu ra thành bốn phân loại cấp cao:

1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật.
2. Kỹ năng, tố chất cá nhân và nghề nghiệp.
3. Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm.
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

Khi hình thành các phân loại cấp cao này, đề cương CDIO sẽ được xây dựng theo ba cấp dựa trên các tiêu chí, chỉ số của năng lực cá nhân. Đối với cấp độ 1 sẽ có 4 năng lực cốt lõi; cấp độ 2 sẽ chia thành 17 chỉ số; cấp độ 3 chia thành 97 chỉ số.

Đề cương CDIO chi tiết theo cấp độ 2:

1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật
 - Kiến thức khoa học cơ bản
 - Kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi
 - Kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao
2. Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và tố chất
 - Lập luận kỹ thuật và giải quyết vấn đề
 - Thử nghiệm và khám phá kiến thức
 - Suy nghĩ tầm hệ thống
 - Kỹ năng và thái độ cá nhân
 - Kỹ năng và thái độ nghề nghiệp
3. Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp
 - Làm việc nhóm đa ngành
 - Giao tiếp
 - Giao tiếp bằng ngoại ngữ

4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội

- Bối cảnh bên ngoài và xã hội
- Bối cảnh tổ chức và kinh doanh
- Hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống
- Thiết kế
- Triển khai
- Vận hành

2.1.2. Các yếu tố hình thành và phát triển năng lực tư duy đổi mới sáng tạo kỹ thuật cho sinh viên trường nghề

a. *Khái niệm tư duy*: Tư duy là một phạm trù triết học dùng để chỉ những hoạt động của tinh thần, trí tuệ của con người thông qua các chức năng của não bộ trong quá trình nhận thức và cải tạo thế giới khách quan và chính bản thân con người, làm cho con người có nhận thức đúng đắn về sự vật và ứng xử tích cực, hiệu quả, phù hợp.

b. *Yếu tố về tâm lý học*

Năng lực tư duy đổi mới sáng tạo kỹ thuật (NL TDĐMSTKT) của SV trường nghề khi xem xét dưới góc độ tâm lý cần quan tâm đến những đặc điểm phát triển ở mỗi cá nhân về: Nhận thức, tình cảm, hành vi, nhu cầu, động cơ, thể chất, tư chất, kỹ năng, kỹ xảo và thói quen,... Bởi lẽ, đó là những yếu tố tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển NL của mỗi cá nhân. Trong bài viết này, nhóm tác giả xem xét các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến NL TDĐMSTKT của SV trường nghề là: tư duy sáng tạo, tư duy trí tuệ và tư duy khoa học kỹ thuật. Từ đó, tìm ra các mối liên hệ bên trong của các thành tố NL TDĐMSTKT.

b1. *Tư duy sáng tạo*: Có thể nói tư duy sáng tạo là kiểu tư duy đột phá, kiểu tư duy đối lập với kiểu tư duy nhận thức đã có, cái mà bộ não con người đã ghi nhớ và rất thành thạo. Thông thường các kiểu nhận thức, thói quen, chuyển động vật lý, thông tin trực quan ghi nhớ trong bộ não khiến bộ não có xu hướng cản trở trước những tư duy đột phá, có thể nói đó là “lối mòn trong tư duy”, muốn tư duy sáng tạo phát triển thì bộ não cần thoát ra khỏi tư duy thông thường mà trước đó não bộ đã ghi nhận.

Tư duy sáng tạo có thể được xem xét trong quá trình giải quyết vấn đề sáng tạo. Tư duy nói chung chỉ xuất hiện khi có “tình huống có vấn đề”. Hay nói một cách khác thì ở đâu không có vấn đề thì ở đó không có tư duy. Đây cũng là vấn đề cốt lõi cho NL TDĐMSTKT. Tình huống có vấn đề là một hiện tượng chủ quan, là một trạng thái tâm lý của

chủ thể, trạng thái lúng túng xuất hiện trong quá trình nhận thức, hay thực hiện một nhiệm vụ hoạt động của con người. Tình huống vấn đề luôn chứa đựng một nội dung, một cách thức cần xác định, cần làm rõ, do vậy kết quả giải quyết vấn đề sẽ là những tri thức mới, hoặc phương thức hành động mới đối với chủ thể.

Tóm lại, qua những phân tích cho thấy tư duy sáng tạo xem như hoạt động giải quyết vấn đề. Các thành tố của tư duy sáng tạo thể hiện từ động cơ đến hành động logic, hành động trực giác... Vậy, khi phân tích dưới góc độ tư duy sáng tạo đã làm rõ bản chất tâm lý xuất hiện của cá nhân trước tình huống có vấn đề, tạo thành động cơ bên trong thúc đẩy NL tìm kiếm giải pháp và giải quyết đạt hiệu quả đối với các hoạt động phát huy NL TĐĐMSTKT của SV trường nghề.

b2. Tư duy trí tuệ

Theo mô hình cấu trúc trí thông minh của Guilford: Ông đưa ra cấu trúc của trí thông minh hình khối với ba chiều cạnh:

1. Chiều cạnh thao tác gồm: nhận thức, trí nhớ, tạo dựng phân kỳ, tạo dựng hội tụ và đánh giá;
2. Chiều cạnh nội dung bao gồm: hình dáng, biểu tượng, ý nghĩa, hành vi;
3. Chiều cạnh sản phẩm gồm: đơn vị, các lớp, các mối quan hệ, hệ thống, sự chuyên hóa, ý nghĩa.

- Lý thuyết trí thông minh đa nhân tố của Gardner: Theo ông trí tuệ không phải là một tổ hợp đơn nhất, mà là tập hợp 8 trí thông minh thành phần: (1) ngôn ngữ (viết thơ hay truyện ngắn), (2) toán lô gíc (giải hay chứng minh toán lô-gíc), (3) không gian (tìm thấy những khoảng không trong thành phố mới), (4) nhịp điệu (điền kinh hay vũ điệu), (5) âm nhạc (viết bản sonat hay chơi một bài độc tấu), (6) liên nhân cách (cách thức hiệu quả trong quan hệ liên nhân cách hay quan hệ với người khác), (7) tự hiểu mình (đạt trình độ cao trong tự nhận thức), và (8) tự nhiên (nhìn thấy các mối quan hệ phức tạp trong môi trường tự nhiên). Ông còn phân tích sâu hơn về vấn đề trí thông minh như: ông chỉ ra hai điểm đặc trưng trong hành vi của các nhà sáng tạo: 1) Họ có rất nhiều năng lượng duy trì sức lực ở thời điểm đột phá, 2) Họ có khả năng từ bỏ rất nhiều điều thú vị trong cuộc sống để đạt được thành công trong nghề nghiệp.

Lý thuyết đầu tư của Sternberg và Lubart: Cho rằng có sáu yếu tố bao hàm trong sáng tạo: trí tuệ, kiến thức, kiểu tư duy, nhân cách, động cơ và môi trường. Trí tuệ chỉ là một trong sáu sức mạnh,

trong sự hợp lực tạo ra tư duy và hành vi sáng tạo. Theo lý thuyết này, ba chiều cạnh của trí thông minh là chìa khóa cho sáng tạo: NL tổng hợp, NL phân tích và NL thực tiễn. Ba chiều cạnh này của sáng tạo xuất phát từ ý tưởng của Sternberg về lý thuyết trí thông minh ba nhân tố.

b3. Tư duy kỹ thuật

Đối với khoa học kỹ thuật, tác giả Trần Khánh Đức đã nhấn mạnh về tư duy kỹ thuật: Khoa học-công nghệ và các hoạt động thực tiễn (sản xuất, dịch vụ, nghiên cứu) của con người càng phát triển thì tư duy, hoạt động cũng phát triển theo. Sự đa dạng và mức độ phức tạp của hoạt động đó đặc biệt là trong quá trình phát triển công nghệ hiện đại và nền kinh tế tri thức đã làm tăng nhanh hàm lượng chất xám trong các sản phẩm, gia tăng thành phần của hoạt động trí tuệ, hoạt động tư duy.

Ngày nay tính chất lao động của nhiều nghề đang thay đổi, lao động trí tuệ đã và đang thay thế dần lao động cơ bắp. Người ta đã tính rằng, trong việc điều chỉnh và sửa chữa những máy móc, dụng cụ trang thiết bị thì thời gian bỏ ra để chuẩn đoán kỹ thuật, tìm nguyên nhân gây hỏng hóc, đề xuất phương án sửa chữa hợp lý chiếm 60 -80% công việc, nghĩa là phải giải quyết các nhiệm vụ đòi hỏi tư duy, sự suy nghĩ, còn lại 20-40% thời gian dành cho việc thực hành sửa chữa. Loại hình tư duy được hình thành và phát triển trong quá trình hoạt động kỹ thuật-công nghệ nhằm giải quyết những bài toán (nhiệm vụ) kỹ thuật với những đặc điểm riêng, độc đáo so với tư duy thông thường được gọi là tư duy kỹ thuật.

Tóm lại, các nhà tâm lý học đã nghiên cứu đưa ra các vấn đề sâu sắc của tư duy sáng tạo, tư duy trí tuệ và tư duy kỹ thuật. Các vấn đề này đều có sự gắn kết chặt chẽ với hoạt động NL TĐĐMST của SV trường nghề trong quá trình tìm tòi những sản phẩm mới, cải tiến mới từ ngành nghề bản thân được học, từng bước đem vào quá trình xây dựng con đường khởi nghiệp của bản thân.

c. Yếu tố về giáo dục học

Mọi người bình thường đều có thể sáng tạo cái mới nếu họ có được trình độ tri thức, kinh nghiệm và khả năng cần thiết cho hoạt động sáng tạo. Tri thức, kỹ năng hay kinh nghiệm đều là những yếu tố nhờ giáo dục. Như vậy, có thể nói tính sáng tạo là thuộc tính nhân cách có thể hình thành trong hoạt động, thông qua giáo dục. Hình thành nhân cách sáng tạo là một trong những mục đích quan trọng. Trong hoạt động lao động hàng ngày, người lao động, nhà nghiên cứu... cũng nảy

sinh ra những ý tưởng sáng tạo. Nếu những ý tưởng ấy, dù có viển vông đi nữa mà được chú ý lắng nghe, tập hợp xử lý và sử dụng, đãi ngộ thích đáng thì sẽ khuyến khích những người phát ra ý tưởng mới.

Tóm lại, từ phân tích các yếu tố trên cho thấy cần làm sao để vận dụng lý thuyết vào thực tế đào tạo trong trường nghề nhằm phát triển được NL TĐMSTKT cho sinh viên.

2.2. Xây dựng chương trình đào tạo môn học khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho sinh viên trường nghề theo định hướng CDIO

Từ các cơ sở trên về phương pháp CDIO và các yếu tố nền tảng cho các hoạt động phát triển NL TĐMSTKT của SV trường nghề thì việc xây dựng chương trình đào tạo môn học Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo theo CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate) cho SV trường nghề đòi hỏi sự chuyển dịch từ truyền thụ kiến thức sang hình thành năng lực hành động thực tế.

Những điểm cần lưu ý khi xây dựng chương trình đào tạo môn học “khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo” cho sinh viên trường nghề theo định hướng CDIO sau:

2.2.1. Mục tiêu đào tạo theo chuẩn đầu ra CDIO:

Chương trình không chỉ hướng đến việc giúp sinh viên hiểu về kinh doanh mà còn hình thành các nhóm năng lực cốt lõi:

Năng lực kỹ thuật (Conceive/Design): Hình thành ý tưởng và thiết kế mô hình kinh doanh dựa trên chuyên môn nghề nghiệp (ví dụ: sinh viên nghề điện thiết kế giải pháp tiết kiệm điện).

- Kỹ năng cá nhân và chuyên môn: Tư duy sáng tạo, khả năng tự học, tính kiên trì và đạo đức kinh doanh.

- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp: Đàm phán, thuyết trình dự án và quản trị xung đột.

- Năng lực vận hành trong bối cảnh xã hội (Implement/ Operate): Triển khai dự án thực tế, hiểu về thị trường và các quy định pháp luật liên quan.

2.2.2. Cấu trúc nội dung chương trình (4 Giai đoạn)

Giai đoạn 1: Hình thành ý tưởng (Conceive)

- Tư duy đổi mới sáng tạo (Design Thinking): Phương pháp thấu cảm người dùng để tìm ra vấn đề thực tế.

- Xác định cơ hội kinh doanh: Đánh giá tính khả thi từ thế mạnh nghề nghiệp của SV.

- Phân tích thị trường: Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh và phân khúc khách hàng.

Giai đoạn 2: Thiết kế mô hình kinh doanh (Design)

- Mô hình Business Model Canvas (BMC): Thiết kế 09 thành tố cơ bản của một doanh nghiệp.

- Xây dựng sản phẩm khả dụng tối thiểu (MVP): Phác thảo hoặc làm mô hình thử nghiệm (prototype) cho sản phẩm/dịch vụ.

- Kế hoạch tài chính và gọi vốn: Tính toán chi phí, doanh thu và điểm hòa vốn.

Giai đoạn 3: Triển khai dự án (Implement)

- Kỹ năng quản trị dự án: Lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ trong nhóm.

- Tiếp thị và bán hàng: Xây dựng thương hiệu cá nhân và kênh phân phối sơ khởi.

- Pháp lý khởi nghiệp: Quy định về đăng ký kinh doanh, sở hữu trí tuệ và bảo hộ thương hiệu.

Giai đoạn 4: Vận hành và Đánh giá (Operate)

- Thuyết trình gọi vốn (Pitching): Trình bày dự án trước hội đồng giám định (giáo viên và doanh nghiệp).

- Đánh giá và cải tiến: Phân tích phản hồi từ người dùng thực tế và điều chỉnh mô hình.

2.2.3. Phương pháp giảng dạy và học tập tích cực

Để phù hợp với định hướng CDIO và đặc thù trường nghề, GV cần đóng vai trò là người điều phối:

- Học tập qua dự án (Project-Based Learning - PBL): Sinh viên làm việc theo nhóm để hoàn thiện một dự án khởi nghiệp xuyên suốt học phần.

- Học tập trải nghiệm: Tham quan các không gian khởi nghiệp, vườn ươm hoặc các mô hình kinh doanh thực tế tại địa phương.

- Mô phỏng kinh doanh: Sử dụng các trò chơi quản trị hoặc đóng vai xử lý tình huống thực tế với khách hàng.

2.2.4. Kiểm tra và Đánh giá

Đánh giá theo CDIO chú trọng vào tiến trình và năng lực thực tế thay vì điểm số lý thuyết suông:

- *Đánh giá quá trình (50%)*: Sự tham gia tích cực, nhật ký làm việc nhóm, các bản phác thảo ý tưởng qua từng tuần.

- *Đánh giá sản phẩm/dự án (50%)*: Điểm đánh giá dự án cuối môn học dựa trên:

+ Tính sáng tạo và thực tiễn của ý tưởng.

+ Chất lượng của mô hình MVP/Prototype.

+ Kỹ năng thuyết trình và phản biện của nhóm.

2.2.5. Kết nối với thực tế nghề nghiệp

Đối với sinh viên trường nghề, khởi nghiệp không nhất thiết phải là thành lập công ty lớn. Chương trình nên tập trung vào:

- *Intrapreneurship (Khởi nghiệp trong lòng doanh nghiệp)*: Rèn luyện tư duy cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất khi đi làm thuê.

- *Khởi sự kinh doanh nhỏ*: Tận dụng tay nghề chuyên môn (cơ khí, điện tử, thẩm mỹ, ẩm thực...) để tự tạo việc làm cho bản thân và cộng đồng.

2.3. Chương trình đào tạo chi tiết môn học khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho sinh viên trường nghề theo định hướng CDIO

Từ các nội dung đã phân tích trên và theo Thông tư Số: 01/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”, Chương trình đào tạo chi tiết môn học “khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo” cho SV trường nghề theo định hướng CDIO được thể hiện qua nội dung sau:

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 08 giờ; Thảo luận, bài tập: 19 giờ; Thi/Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được bố trí giảng dạy với các môn chuyên môn, tùy vào kế hoạch đào tạo của từng khoa để sắp xếp phù hợp với kế hoạch đào tạo toàn khóa.

- Tính chất: Môn học Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo là môn học tự chọn đối với người học.

II. Mục tiêu môn học

- *Về kiến thức:*

+ Xác định được các kiến thức cơ bản và nâng cao về khởi nghiệp.

+ Nhận định được về kinh doanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Phân tích được thị trường và cơ hội kinh doanh.

+ Đánh giá được các yếu tố thể hiện tính khả thi của một ý tưởng/dự án kinh doanh.

- *Về kỹ năng:*

+ Tham gia thiết lập một dự án khởi nghiệp bao gồm các kế hoạch về tổ chức nhân sự, nghiên cứu thị trường, marketing,...

+ Lập kế hoạch về Marketing cho ý tưởng/dự án kinh doanh.

+ Vận dụng được các kỹ năng: làm việc nhóm, tư duy, tìm kiếm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, sáng tạo, khám phá,... để viết một kế hoạch kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Rèn luyện thái độ và hành vi tích cực, hợp tác, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm.

+ Hình thành ý thức và tinh thần khởi nghiệp. Có đạo đức trong kinh doanh.

+ Nhận thức đúng về vấn đề bảo vệ môi trường khi khởi nghiệp.

+ SV tích cực và chủ động lập kế hoạch khởi nghiệp, quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới trong công việc.

+ SV có ý thức tự chủ, tự lập nghiệp, tinh thần trách nhiệm với quyết tâm vượt qua thử thách cao về những rủi ro thường gặp của các nhà khởi nghiệp.

III. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong Môn học	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	1	1		
2	Chương 2: Phát triển kỹ năng tư duy đổi mới sáng tạo kỹ thuật	3	1	2	
3	Chương 3: Các mô hình kinh doanh	4	1	3	
4	Chương 4: Tạo ý tưởng kinh doanh	4	1	2	1
5	Chương 5: Lập kế hoạch kinh doanh	4	1	3	
7	Chương 6: Vận hành và quản lý doanh nghiệp	6	2	4	
8	Chương 7: Viết và trình bày dự án khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	7	2	6	1
10	Thi kết thúc môn	1			1
	Tổng cộng:	30	8	19	3

III. KẾT LUẬN

Qua các phân tích và xây dựng chương trình đào tạo môn học “Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo” cho SV trường nghề cho thấy rất cần thiết đưa môn học này vào chương trình đào tạo các ngành nghề của các trường nghề, vì hiện nay tư duy suy nghĩ của giới trẻ nói chung, SV các trường nghề

nói riêng không còn tư duy “Làm công ăn lương”, mà xu thế từ từ đã chuyển qua “Tự tạo việc làm”, đồng thời với những biến động khó lường của thị trường lao động, người lao động cần hướng đến tự tạo việc làm cho bản thân và cho người khác là một xu thế tất yếu đang diễn ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Cảnh Lâm (2003), *393 điều bạn cần biết trước khi bắt đầu một doanh nghiệp*, NXB Trẻ.

Trần Nguyên (2016), *Cẩm nang khởi nghiệp, Thực hành kinh doanh cho bước khởi sự doanh nghiệp*, NXB Trẻ.

Hồ Tấn Nhật, Đoàn Thị Minh Trinh (2014), *Cải cách và xây dựng chương trình đào tạo kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận CDIO*, NXB ĐHQG TP.HCM.

Đoàn Thị Minh Trinh – Nguyễn Hội Nghĩa (2014), *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*, NXB ĐHQG TP.HCM.

Viện Nghiên cứu khoa học dạy nghề (2011), *Cẩm nang việc làm và lập nghiệp*, NXB Lao động - Xã hội.

Bộ LĐTB&XH (2024), *Thông tư Số: 01/2024/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”*, Hà Nội.